

Quốc tế học ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức

Phạm Quang Minh*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội,
336, Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài : 20 tháng 4 năm 2012, Nhận đăng : 20 tháng 8 năm 2012

Tóm tắt. Mục đích chính của bài viết này là làm rõ những cơ hội và thách thức của ngành Quốc tế học ở Việt Nam, trong bối cảnh Việt Nam xác định một trong những mục tiêu chiến lược của đất nước là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bài viết được chia làm 4 phần, trong đó phần 1 trình bày tầm quan trọng của Nghiên cứu quốc tế/khu vực và một số khái niệm cơ bản; phần 2 phân tích tình hình nghiên cứu và đào tạo quốc tế trên thế giới; phần 3 trình bày tình hình đào tạo Quốc tế học ở trong nước. Trong phần 4 – phần kết luận, chúng tôi khẳng định quốc tế học là ngành học vô cùng quan trọng trong hệ thống đào tạo đại học và nghiên cứu của một quốc gia, nhất là Việt Nam, đồng thời chỉ ra những cơ hội và thách thức trong sự phát triển của ngành này ở Việt Nam.

Từ khóa: quốc tế học, nghiên cứu quốc tế, khu vực học, quan hệ quốc tế.

Đặt vấn đề

Ngày nay, quan hệ kinh tế, chính trị và văn hóa trên bình diện quốc tế ngày một gia tăng đòi hỏi mức độ ngày càng lớn những kiến thức cơ bản và tin cậy về sự phát triển và các vấn đề của các khu vực trên thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và liên kết kinh tế đang diễn ra sôi động trên tất cả các khu vực của thế giới, Việt Nam đã xác định rõ một trong những mục tiêu chiến lược của đất nước là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Nhu cầu hội nhập quốc tế càng lớn dẫn tới nhu cầu về nhân lực có trình độ về các vấn đề quốc tế không ngừng tăng lên.

Từ đòi hỏi của sự phát triển trong nước, việc đào tạo một đội ngũ cán bộ có đủ trình độ

giảng dạy và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế, tham gia các hoạt động quan hệ quốc tế là nhu cầu cấp thiết của tất cả các cơ quan từ trung ương đến địa phương, trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đến an ninh quốc phòng, trong tất cả các ban ngành của toàn xã hội. Hoạt động đối ngoại ngày nay đang ngày càng được mở rộng, ngoài các cơ quan ngoại giao của Đảng và Nhà nước, hoạt động ngoại giao nhân dân cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Tất cả các ngành kinh doanh thương mại, đầu tư, du lịch cũng như các hoạt động an ninh, văn hóa, thể thao đều cần đến những người có kiến thức về quốc tế để dự báo tình hình và đề xuất giải pháp, để giao tiếp và hợp tác với nước ngoài.

Từ năm 1986, khi Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố thực hiện công cuộc đổi mới và đặc biệt từ năm 1991, khi Việt Nam thực hiện đường lối đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ,

* ĐT: + 84 – 904 696 062
Email: pqminh@hotmail.com

mà mục tiêu chính là nhằm đưa đất nước sớm hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, thì nhu cầu hiểu biết về khu vực và quốc tế lại càng trở nên cấp thiết. Mục đích chính của bài viết này là làm rõ những cơ hội và thách thức của ngành Quốc tế học ở Việt Nam. Bài viết được chia làm 4 phần, trong đó phần 1 trình bày tầm quan trọng của Nghiên cứu quốc tế/khu vực và một số khái niệm cơ bản; phần 2 phân tích tình hình nghiên cứu và đào tạo Quốc tế học trên thế giới; phần 3 trình bày tình hình đào tạo Quốc tế học/khu vực học trong nước. Phần 4 kết luận, quốc tế học là ngành học không thể thiếu được trong hệ thống đào tạo và nghiên cứu của một quốc gia, nhất là Việt Nam, đồng thời chỉ ra những cơ hội và thách thức trong sự phát triển của ngành này ở Việt Nam.

1. Quốc tế học/Nghiên cứu quốc tế là gì?

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, quá trình khu vực hoá và từ những năm 70 của thế kỉ XX là quá trình toàn cầu hoá đã và đang diễn ra một cách vô cùng nhanh chóng và sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới. Biểu hiện cụ thể của quá trình đó là sự liên kết ngày càng chặt chẽ giữa các quốc gia trên thế giới nhằm cùng nhau chia sẻ những lợi ích từ sự hợp tác nhiều cấp độ. Hội nhập quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia. Lợi ích của hội nhập là rõ ràng và đang tạo ra động lực rất lớn đối với các nước. Tuy nhiên lợi ích đó không mang tính tất yếu mà dựa vào nhiều yếu tố tổng hợp của một quốc gia, trong đó tri thức đối với các vấn đề quốc tế là một trong những yếu tố quan trọng có thể đưa một quốc gia hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.

Thực tiễn của tình hình thế giới gần đây cũng cho thấy vị trí và quyền lợi của các quốc gia gắn liền với năng lực của đội ngũ nhân lực

trong các hoạt động đối ngoại, vì vậy việc đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại đang trở thành ưu tiên hàng đầu đối với các quốc gia. Trong bối cảnh đó, Nghiên cứu Quốc tế/Khu vực cần được xem là ngành khoa học cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ chiến lược chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước cũng như đáp ứng nhu cầu hiểu biết ngày càng đa dạng của xã hội.

Quốc tế học/Nghiên cứu Quốc tế (International Studies) là những lĩnh vực nghiên cứu liên ngành có khuynh hướng dựa trên các ngành khoa học xã hội (khoa học chính trị, kinh tế học, xã hội học, luật học và truyền thông) và nhân văn (lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ). Trọng tâm của Nghiên cứu quốc tế là các vấn đề toàn cầu trong quá khứ và hiện tại bao gồm vấn đề hoà bình và xung đột giữa các quốc gia, kinh tế chính trị quốc tế và phát triển, so sánh các hệ thống xã hội, kinh tế, chính trị, nghiên cứu các tổ chức và các vấn đề quốc tế và xuyên quốc gia.

Nghiên cứu Khu vực (Area Studies) là những lĩnh vực nghiên cứu liên ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn, gắn liền đặc biệt với một khu vực có tính chất địa lý, quốc gia hoặc văn hoá. Nghiên cứu khu vực thường bao gồm các ngành như lịch sử, khoa học chính trị, xã hội học, văn hoá học, ngôn ngữ, địa lý, văn học và các ngành khác. Nghiên cứu khu vực trở nên thông dụng ở Mỹ và các nước phương Tây trong giai đoạn sau Thế chiến II. Tuy nhiên, tùy vào khả năng của từng trường đại học mà các lĩnh vực nghiên cứu được tiến hành, nhưng nhìn chung nghiên cứu khu vực thường bao gồm các khu vực địa lý lớn như châu Phi, Bắc Mỹ, Mỹ latin, châu Á, châu Úc và châu Âu.

Như vậy điểm chung của Nghiên cứu Quốc tế và Nghiên cứu Khu vực là cả hai đều thuộc khoa học xã hội và nhân văn, đều là những ngành khoa học đòi hỏi tính liên ngành cao. Đối tượng nghiên cứu của cả hai ngành đều là các vấn đề quốc gia hoặc khu vực, nhóm các quốc gia. Sự khác biệt có lẽ là trong khi Nghiên cứu Khu vực nhấn mạnh đến các yếu tố lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ của các khu vực khác nhau, thì Nghiên cứu Quốc tế lại nhấn mạnh đến những vấn đề hiện tại như chính trị, an ninh, kinh tế, đối ngoại các quốc gia và các vấn đề xuyên quốc gia.

2. Nghiên cứu quốc tế: Kinh nghiệm thế giới

Ở nước ngoài, Nghiên cứu Quốc tế là ngành khoa học chịu ảnh hưởng nhiều từ *tình hình phát triển của thế giới và lợi ích quốc gia*. Đặc biệt, trong những năm cuối của thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, ngành Nghiên cứu Quốc tế đang đứng trước những *thách thức mới*: đó là sự thay đổi và phát triển khó dự báo của thế giới. Nhưng cho dù đi thế nào chăng nữa, một đặc điểm có tính chất nổi bật của ngành này như đã nói ở phần khái niệm là *cách tiếp cận liên ngành* rất cao.

Sự quan tâm khoa học thuần túy về một khu vực hoặc một quốc gia nào đó thường ít xảy ra. Nói chính xác là sự quan tâm đó thường kèm theo một mục đích chính trị, kinh tế có chủ ý. Năm 1898 trong mối liên quan đến cuộc chiến tranh Mỹ- Tây Ban Nha thì lần đầu tiên dư luận Mỹ nghe đến tên Philippines, và người ta hầu như không biết một chút nào về đất nước này. Nhưng điều đó qua đi rất nhanh. Chỉ trong vòng mấy tuần lễ, thì cái tên Philippines đã trở nên quen thuộc ở khắp mọi nơi trên đất nước Mỹ mênh mông.

Đến đầu thế kỷ XX, những sự kiện không chỉ ở Philippines mà cả khu vực Đông Nam Á, đã chiếm một vị trí quan trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng của Mỹ, mà đỉnh cao là sự ra đời của 55 tập: “*The Philippine Islands 1493-1803.*” [1] Nhưng trên thực tế, người Mỹ cũng chỉ quan tâm nhiều đến kết quả của chính sách mà họ đã thực hiện hơn là để ý đến lịch sử, văn hóa, truyền thống của các dân tộc sinh sống trên quần đảo này.

Phải đợi đến năm 1940-1941, khi Nhật Bản thể hiện mưu đồ biến Đông Nam Á thành một phần của cái gọi là “*Khối Đại Đông Á thịnh vượng chung*” (*The Great East Asia Co-prosperity Sphere*) bằng việc phát động cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của Mỹ và các cường quốc thực dân khác trong khu vực, thì mối quan tâm đến khu vực này mới thực sự được đánh thức. [2]

Người có công lớn trong việc đánh thức đó chính là Robert Heine-Gelderen, người đã đệ trình lên Hội đồng Học giả Mỹ đầu năm 1941 một giác thư trong đó ông đề nghị tăng cường việc nghiên cứu Đông Nam Á ở Mỹ và nhấn mạnh ý nghĩa của nó đối với các ngành khoa học khác: Ví dụ đối với ngành nhân chủng học một loạt các vấn đề hấp dẫn đang mở ra như sự đa dạng của các tộc người và các nền văn hóa, sự đan xen của các bộ tộc du canh du cư, các cộng đồng nông dân lạc hậu và các dân tộc có nền văn minh phát triển rực rỡ hàng ngàn năm đang đứng trước những thách thức của sự giao thoa và biến đổi văn hóa. Cũng tương tự như vậy, những chân trời mới đang mở ra đối với các ngành ngôn ngữ học, khảo cổ học, lịch sử cổ trung đại, Ấn Độ học, Trung Quốc học, Hồi giáo học... bổ sung mạnh mẽ cho các quan điểm học thuật truyền thống.

Tiếp theo đó, Heine-Gelderen được trao trọng trách soạn thảo các chương trình đào tạo có liên quan đến Đông Nam Á trong các trường đại học và cao đẳng Mỹ và tìm hiểu xem liệu trong tương lai có mối quan tâm xây dựng các chương trình đó tại các trường đại học hay không. Kết quả thăm dò cho thấy, trong số 992 trường đại học đăng ký lúc đó chỉ có 1/3 số trường thể hiện sự quan tâm đến lĩnh vực này, nhưng cũng chỉ có 29 khóa học chuyên về Đông Nam Á được giảng dạy, trong đó mỗi quan tâm được xếp theo thứ tự lần lượt từ cao xuống thấp là địa lý, lịch sử, kinh tế, khoa học chính trị. Rất ít khoá học về nhân học, ngôn ngữ, nghệ thuật và tôn giáo Đông Nam Á, còn khoá học về văn học thì hoàn toàn không được giảng dạy. Căn cứ vào thực tế này, Heine-Gelderen đi đến kết luận: Như vậy cần phải tạo cho công luận Mỹ mà trước hết là các trường đại học và cao đẳng Mỹ niềm khát vọng phát triển các nghiên cứu học thuật về các nền văn hóa bản địa Đông Nam Á, ngoài ra cần nhấn mạnh một thực tế là việc hiểu biết thấu đáo văn hoá là điều kiện bắt buộc cho việc nắm bắt đích thực những vấn đề chính trị kinh tế đương thời và tương lai của khu vực này. [3, 26]

Trên thực tế, việc Nhật Bản tấn công và chiếm đóng Đông Nam Á đã là chất xúc tác giúp các nhà khoa học của nhiều chuyên ngành ở Mỹ tập hợp nhau lại và tư vấn cho chính phủ Mỹ, giảng dạy các khoá học cho binh lính Mỹ sẽ tham gia chiến trận ở khu vực này. Sự phối hợp này không chỉ dừng lại ở các nhà nghiên cứu Đông Nam Á mà còn mở rộng ra giới nghiên cứu Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Và đó chính là thời khắc ra đời của ngành học Nghiên cứu Châu Á ở Hoa Kỳ. Một thế hệ mới các nhà nghiên cứu Châu Á đã trưởng thành trong những năm tiếp theo. Cùng với những người đi trước trong Hiệp hội Viễn đông (Far Eastern Association), vào giữa những năm

1950, họ đã cải tổ tổ chức này thành một tổ chức mới có tên gọi là Hiệp hội Nghiên cứu châu Á (Association for Asian Studies), một tổ chức có tới hàng chục ngàn chuyên gia về châu lục này.

Những gợi ý ban đầu của Heine-Gelderen là cơ sở cho sự phát triển tiếp theo không những của ngành Đông Nam Á ở Mỹ mà còn là nền tảng cho việc nghiên cứu các khu vực khác trên thế giới. Trên thực tế đã hình thành chính thức cái gọi là nghiên cứu khu vực, tương tự như việc nghiên cứu khu vực Mỹ Latinh trong giai đoạn trước chiến tranh. Năm 1947 chương trình nghiên cứu Đông Nam Á đặc biệt đầu tiên được mở tại trường đại học Yale. Năm 1951 đánh dấu sự ra đời của chương trình này tại Đại học Cornell và đây chính là trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á đáng kể nhất thế giới. So sánh với các khu vực khác, Đông Nam Á mặc dù được quan tâm nhưng vẫn chiếm một vị trí rất khiêm tốn trong các trường đại học Mỹ.

Ngày nay, Nghiên cứu quốc tế/khu vực ở phần lớn các nước đều phải kết hợp nghiên cứu các vấn đề *quan hệ quốc tế truyền thống* như chính sách đối ngoại, an ninh và hoà bình, chiến tranh, thông lệ ngoại giao với các *vấn đề mới nổi lên* như phát triển bền vững, môi trường, bệnh dịch, y tế công cộng, hội nhập kinh tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, tội phạm, khủng bố và các chủ đề khác thông qua sử dụng các phương pháp và lý thuyết để giải thích các xu hướng đó. Những vấn đề mới có tính chất toàn cầu và xuyên quốc gia này đã buộc các chương trình đào tạo và nghiên cứu về quốc tế/khu vực phải mở rộng phạm vi quan tâm của mình, cải tiến và thay đổi cả nội dung lẫn phương pháp đào tạo và đặc biệt là xây dựng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu có đủ trình độ đáp ứng với yêu cầu mới.

Ở Hoa Kỳ, quốc gia có số lượng chương trình đào tạo Nghiên cứu Quốc tế/Khu vực nhiều nhất và phát triển nhất thế giới, ngành học này hiện có mấy đặc điểm chính sau: *thứ nhất*, đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày một được đa dạng hoá, có trình độ chuyên môn của nhiều ngành khác nhau và được quốc tế hoá rất cao; *thứ hai*, trong chương trình đào tạo, các trường đại học Hoa Kỳ chú trọng dạy lý thuyết và phương pháp hơn là tập trung vào các vấn đề cụ thể; *thứ ba*, vì sự phát triển của thế giới, các trường đại học Hoa Kỳ có xu hướng sử dụng tên gọi Nghiên cứu Quốc tế (International Studies) hoặc Nghiên cứu xuyên quốc gia (Transnational Studies) hay Giáo dục/Nghiên cứu toàn cầu (Global Education/Studies).

Một vấn đề đáng quan tâm khác nữa trong ngành Nghiên cứu Quốc tế trên thế giới là sự khác biệt giữa hai xu hướng chủ đạo. Trong khi các học giả Hoa Kỳ thường nhấn mạnh và lệ thuộc vào các phương pháp dựa trên *chủ nghĩa thực chứng logic (logical positivism)*, thì các học giả Anh lại có xu hướng nghiên cứu thiên về cách *tiếp cận lịch sử (historical approach)* hơn.

Hầu hết các trường đại học của các nước phát triển như Mỹ, Australia, EU, Nhật Bản,... đều có chuyên ngành Nghiên cứu Quốc tế/Khu vực. Xu thế xây dựng ngành Nghiên cứu Quốc tế/Khu vực theo mô hình phương Tây hiện đang được các nước đang phát triển ở châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Malaysia.. đầu tư nghiên cứu và triển khai.

Nói tóm lại, kinh nghiệm xây dựng ngành Nghiên cứu Quốc tế/Quốc tế học ở Hoa Kỳ và các nước châu Âu là từ nghiên cứu một nước tiến đến nghiên cứu khu vực, có nghĩa là từ đất nước học đến khu vực học và quốc tế học; từ

các cá nhân đơn lẻ đến hình thành hiệp hội tập hợp các nhà nghiên cứu, từ đơn ngành đến liên ngành. Chỉ trên cơ sở mở rộng từng bước quy mô và đội ngũ, có sự gắn kết giữa nhiều ngành, Nghiên cứu Quốc tế/Quốc tế học mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của mình.

3. Đào tạo và nghiên cứu quốc tế/Quốc tế học ở Việt Nam

Ở Việt Nam, Đại học Ngoại giao/Học viện Quan hệ Quốc tế và từ năm 2008 là Học viện Ngoại giao thuộc Bộ Ngoại giao là cơ sở đầu tiên đào tạo và nghiên cứu về quốc tế, được thành lập từ năm 1959. Hiện nay, Học viện Ngoại giao được coi là đơn vị hàng đầu của Việt Nam về nghiên cứu quốc tế, đào tạo các nhà ngoại giao chuyên nghiệp cho chính phủ. Từ năm 1993, Học viện đã tiến hành đổi mới một cách toàn diện nội dung và phương pháp đào tạo chương trình hệ cử nhân (4 năm) và xây dựng chương trình đào tạo thạc sỹ (2 năm). Từ năm 2010, Học viện đã bắt đầu đào tạo Tiến sỹ Quan hệ quốc tế và là cơ sở duy nhất đào tạo bậc học này ở Việt Nam. Hiện tại, Học viện đào tạo theo ba chuyên ngành chính là Chính trị quốc tế, Luật quốc tế và Kinh tế quốc tế. [4]

Cơ sở thứ hai có truyền thống đào tạo về quan hệ quốc tế ở Việt Nam là Khoa Quan hệ quốc tế của Học viện Báo chí Tuyên truyền. Được thành lập từ năm 1983, nhưng lúc đầu được gọi là khoa Thông tin đối ngoại, mãi đến năm 2007, Khoa mới chính thức mở mã ngành Quan hệ quốc tế và đổi tên thành Khoa Quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, thế mạnh của Khoa này vẫn là mảng thông tin đối ngoại, đúng như chức năng ban đầu của nó. [5]

Ở Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ sở tiên phong trong việc hình thành những ngành đào tạo mới, trong đó có ngành Quốc tế

học. Ngay từ năm 1995, Đại học Quốc gia Hà Nội đã thành lập hai khoa mới là Khoa Quốc tế học và Khoa Đông Phương học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Cho đến nay, Trường đã đào tạo được hơn 2 nghìn cử nhân Quốc tế học và Đông phương học và hàng trăm thạc sỹ. Nếu như Khoa Quốc tế học có 3 chuyên ngành là Quan hệ quốc tế, Nghiên cứu châu Âu và Nghiên cứu châu Mỹ thì Khoa Đông Phương học có 5 chuyên ngành là Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Korea học và Ấn Độ học. Đây là những địa chỉ tin cậy, uy tín, chất lượng trong hệ thống đào tạo về quốc tế học/khu vực học của Việt Nam. [6]

Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQGTPHCM là một cơ sở đào tạo trẻ mới được thành lập năm 2003. Chương trình đào tạo của Khoa QHQT kế thừa nội dung của hai chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXHNV, Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Ngoại giao. Mặc dù có dự định tập trung chủ yếu vào hai chuyên ngành chính là Luật quốc tế và Kinh tế quốc tế vì có chú trọng tới đặc thù của thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước, nhưng cho đến nay, sau 9 năm phát triển, Khoa QHQT vẫn chưa xây dựng được các bộ môn để đào tạo theo hướng chuyên sâu. [7]

Ngoài các cơ sở trên, ở Việt Nam, ngành Quốc tế học/Quan hệ quốc tế còn được đào tạo và nghiên cứu ở Khoa Quan hệ quốc tế (Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh), Khoa Quan hệ Quốc tế (Trường Đại học Dân lập Đông Đô), Khoa Quốc tế học (Đại học Hà Nội), Khoa Quốc tế học (Trường Đại học Đà Nẵng), Khoa Quốc tế học (Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), Khoa Quan hệ quốc tế (Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh), Khoa Quốc tế học (Đại học Huế),

Khoa Quan hệ quốc tế (Đại học Dân lập Hồng Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh)...

Ngoài ra, ở Việt Nam còn có một hệ thống các viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam như Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu châu Âu, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Nghiên cứu Trung Đông và Châu Phi, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Trung Quốc [8]. Đặc biệt từ năm 2008, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam còn mở các Khoa tương ứng có chức năng đào tạo bậc thạc sỹ và tiến sỹ. Ngoài ra, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cũng có hệ thống các trường và viện nghiên cứu quốc tế/khu vực riêng của mình.

Tóm lại, ở Việt Nam, ngành Quốc tế học/khu vực học mới chỉ bắt đầu được chú ý từ giữa những năm 1990 và được phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và địa bàn vào đầu những năm 2000. Tuy nhiên, cho đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có sự phát triển giống như kinh nghiệm của Mỹ và phương Tây là gắn kết nghiên cứu quốc gia với khu vực, vẫn chưa hình thành được một tổ chức nghiên cứu quốc tế/khu vực tập hợp tất cả các nhà nghiên cứu trên phạm vi cả nước, chưa có các sinh hoạt khoa học thường kỳ và xuất bản phẩm chung, cũng như chưa có được sự gắn kết giữa các ngành, hướng tới những nghiên cứu liên ngành thực sự.

4. Kết luận

Quốc tế học là ngành học không thể thiếu được trong hệ thống đào tạo và nghiên cứu của một quốc gia, đặc biệt đối với Việt Nam vì nhu cầu hội nhập vào khu vực và thế giới ngày càng tăng của đất nước. Tuy nhiên, Quốc tế học/Khu vực học là một ngành học còn khá mới mẻ ở Việt Nam và vì vậy điều này bao gồm cả cơ hội và thách thức. Lời dự báo này được đưa ra dựa trên những quan sát và kinh nghiệm cụ thể. **Về cơ hội:** *Thứ nhất*, xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa là không thể đảo ngược. Thế giới sẽ trở nên kết nối, giao lưu, liên lạc với nhau ngày một nhiều hơn là điều chắc chắn. Vì thế sự hiểu biết về các quốc gia và các khu vực khác nhau là nhu cầu không thể thiếu được của loài người. *Thứ hai*, bản thân Việt Nam có nhu cầu rất lớn về hội nhập khu vực và quốc tế. Điều này đã trở thành chiến lược phát triển của Việt Nam, đặc biệt kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO vào năm 2007. *Thứ ba*, cùng với sự mở rộng hợp tác và quan hệ, ngày càng có nhiều các quốc gia, các tổ chức, công ty nước ngoài đến Việt Nam thiết lập quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa và cũng cần rất nhiều chuyên gia có khả năng làm cầu nối giữa họ và Việt Nam. **Về thách thức:** đào tạo/đào tạo lại đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là những tài liệu liên quan đến phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu/giảng dạy là những vấn đề đòi hỏi

có tầm nhìn chiến lược, biện pháp, nguồn lực cũng như quyết tâm để giải quyết.

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội có lợi thế là có 100% đội ngũ cán bộ có trình độ ngoại ngữ tốt, một trong những thế mạnh mà không một cơ sở đào tạo và nghiên cứu nào ở Việt Nam có thể có được. Trong đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường nên cân nhắc và lựa chọn mô hình phù hợp, nhằm phát huy được thế mạnh, hạn chế được nhược điểm và có thể rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển. Nhà trường cũng có thể tận dụng được sự hợp tác của các cơ quan trong, ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội và đặc biệt là có khả năng huy động sự hợp tác quốc tế vốn cũng là một thế mạnh của Nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] E. Blair and J.A. Robertson, *The Philippine Islands 1493-1803*, The Arthur H. Clark Company, Cleveland Ohio 1903-1909.
- [2] Bernhard Dahm, *Die Suedostasienwissenschaft in den USA*, in *Westeuropa und in der Bundesrepublik Deutschland*, Vnadenhoeck and Ruprecht Goettingen 1975.
- [3] Heine-Gelderen, *A Survey of Studies on Southeast Asia at American Universities and Colleges*, *East Indies Institute of America*, New York 1943.
- [4] <http://dav.edu.vn/>
- [5] <http://bctt.edu.vn/>
- [6] <http://www.khoaquoctehoc.edu.vn/>
- [7] <http://qhqt.edu.vn/qhqt/>
- [8] <http://www.vass.gov.vn/>

International Studies in Vietnam: Opportunities and Challenges

Phạm Quang Minh

*VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyễn Trãi street, Hanoi, Vietnam*

The main objective of the paper is to clarify the chances and challenges of International studies as a field in Vietnam in the context Vietnam determines one of its strategies to integrate actively into the international system. The paper is divided into four parts whereby the first part presents the importance of International/Area studies and some fundamental terminologies; the second part analyses the stand of training and researching of International studies abroad; the third part follows by describing the situation of International studies in Vietnam. The fourth part concludes, International studies is a very important major in the higher education system and research of a country, especially of Vietnam, and shows the chances as well as challenges for the development of this field in Vietnam.

Key words: international studies, area studies, international relations.